

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ LÀI

**PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN SỞ THẨM
DÂN SỰ GIỮA CÁC TÒA ÁN**

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Anh Tuấn

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN SƠ THẨM DÂN SỰ GIỮA CÁC TÒA ÁN	6		
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các tòa án	6	2.1.2. Quy định về những vụ việc thuộc thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án cấp tỉnh	35
1.1.1. Khái niệm về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án	6	2.2. Các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp	40
1.1.2. Ý nghĩa của việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án	9	2.2.1. Các quy định có tính nguyên tắc về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp	40
1.2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các tòa án	11	2.2.1.1. Thẩm quyền của Tòa án nơi có bất động sản	40
1.3. Lược sử các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các tòa án	19	2.2.1.2. Thẩm quyền của Tòa án nơi cư trú, nơi làm việc, nơi có trụ sở của bị đơn, người bị yêu cầu	42
1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989	19	2.2.2. Các quy định khác về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp	47
1.3.2. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2004	25	2.2.2.1. Quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự theo sự thỏa thuận của các đương sự	47
1.3.3. Giai đoạn từ năm 2004 đến nay	30	2.2.2.2. Quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu	48
Chương 2: PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN SƠ THẨM DÂN SỰ GIỮA CÁC TÒA ÁN	31	2.2.2.3. Quy định riêng biệt về phân định thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án đối với các vụ việc dân sự	52
2.1. Các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa tòa án các cấp	31	Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN SƠ THẨM DÂN SỰ GIỮA CÁC TÒA ÁN VÀ KIẾN NGHỊ	58
2.1.1. Quy định về những vụ việc thuộc thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án cấp huyện	31	3.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các tòa án	58
		3.1.1. Thực tiễn thực hiện các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa Tòa án các cấp	58
		3.1.2. Thực tiễn thực hiện các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp	61
		3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các tòa án	72
		3.2.1. Kiến nghị sửa đổi các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa Tòa án các cấp	72
		3.2.2. Kiến nghị sửa đổi các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp	74

KẾT LUẬN	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong hệ thống cơ quan tư pháp của Việt Nam thì Tòa án là cơ quan thực hiện quyền tư pháp chủ yếu, với chức năng, thẩm quyền xét xử các vụ án mà pháp luật quy định để bảo vệ pháp luật và sự công bằng xã hội. Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ: "Cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội... kế thừa truyền thống pháp lý dân tộc, những thành tựu đã đạt được của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh của nước ta và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế...; đổi mới thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý".

Đường lối cải cách tư pháp nói trên có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, trong đó có các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án. Bởi vì, các quy định này nếu được quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch sẽ là phương tiện cần thiết, tạo điều kiện thuận tiện cho người dân trong việc tiếp cận công lý.

Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam 2004 được thông qua ngày 15/06/2004 và được sửa đổi năm 2011 đã dành một chương gồm 13 điều luật để quy định về thẩm quyền của Tòa án, trong đó có quy định về thẩm quyền của Tòa án theo loại việc, thẩm quyền của Tòa án cấp huyện và Tòa án tỉnh, thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ, theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu. Các quy định này là cơ sở pháp lý quan trọng để phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án.

Nghiên cứu pháp luật và thực tiễn cho thấy, sau khi đã xác định được vụ việc thuộc thẩm quyền sơ thẩm về dân sự của Tòa án theo loại việc thì bước quan trọng tiếp theo là phải xác định được vụ việc đó thuộc thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án cấp nào và Tòa án nơi nào sẽ có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên, quy định của pháp luật hiện hành về vấn đề phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cũng còn nhiều khiếm khuyết. Sự

thiếu cụ thể, rõ ràng của pháp luật làm cho đương sự lúng túng trong việc xác định Tòa án mà họ có thể nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vụ việc.

Trong thực tiễn xét xử, các Tòa án cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc khi xác định một vụ việc cụ thể có thuộc thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án mình hay không. Từ thực tiễn công việc tại ngành Tòa án và nhận thức được những khó khăn, vướng mắc mà các Tòa án thường gặp phải trong việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án, tác giả luận văn thấy rằng đây là vấn đề cần phải được nghiên cứu để tháo gỡ.

Xét về lý luận, nếu các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án được xây dựng một cách chính xác, khoa học sẽ tránh được sự chồng chéo khi Tòa án thực hiện nhiệm vụ, giảm bớt phiền hà cho người dân khi thực hiện quyền khởi kiện của mình. Các luật sư, Thẩm phán nếu nhận thức và vận dụng đúng các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cũng sẽ góp phần đảm bảo quyền tiếp cận công lý của công dân.

Xét về thực tế, việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án có ý nghĩa xác định một Tòa án cụ thể nào đó sẽ có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ việc dân sự phát sinh tại Tòa án. Đây là hai vấn đề cần bàn trong quá trình phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án. Do vậy, khi nghiên cứu về phân định thẩm quyền sơ thẩm giữa các Tòa án thì hai vấn đề sẽ được chú trọng, đó là phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa Tòa án các cấp và phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án theo phạm vi lãnh thổ.

Từ thực trạng pháp luật về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án, vướng mắc trong thực tiễn vận dụng, tác giả luận văn thấy rằng cần thiết phải có những nghiên cứu chuyên sâu để làm rõ hơn nữa những vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cũng như đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này. Với những lý do trên, em đã mạnh dạn chọn đề tài "**Phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án**" làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Quá trình tìm hiểu và sưu tầm tài liệu cho thấy đã có một số công trình nghiên cứu về vấn đề thẩm quyền sơ thẩm về dân sự của Tòa án. Có

thể nói đến Luận án tiến sĩ "*Phân cấp thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự trong hệ thống Tòa án ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*" của tác giả Lê Thu Hà; Luận án thạc sĩ "*Thẩm quyền xét xử sơ thẩm theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*" của tác giả Lê Hoài Nam.v.v.. Tuy nhiên, những công trình nói trên chỉ đề cập tới những khía cạnh khác nhau về vấn đề thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án. Đề tài "*Phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án*" là đề tài đầu tiên tập trung nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án một cách tổng thể và toàn diện.

3. Mục đích, phạm vi nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài là làm rõ những vấn đề lý luận về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án. Tìm hiểu những quy định của pháp luật hiện hành liên quan tới phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án, phát hiện những điểm còn hạn chế, bất cập của pháp luật khi áp dụng vào thực tiễn, qua đó đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Từ mục đích nghiên cứu trên, phạm vi nghiên cứu của đề tài được xác định như sau:

- Đề tài không đi sâu nghiên cứu về việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án theo loại việc mà chỉ tập trung vào nghiên cứu hai vấn đề có mối liên quan trực tiếp tới việc phân định thẩm quyền sơ thẩm giữa các Tòa án. Đó là, phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa Tòa án các cấp; phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự theo lãnh thổ giữa các Tòa án cùng cấp.

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án, ý nghĩa của việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án. Bên cạnh đó, đề tài cũng mở rộng phạm vi nghiên cứu về vấn đề này trong pháp luật tố tụng dân sự một số nước trên thế giới nhằm so sánh, tham khảo.

- Nghiên cứu, đánh giá các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án, thực tiễn áp dụng chúng tại các Tòa án.

- Trên cơ sở tổng hợp kết quả nghiên cứu, luận văn sẽ xác định những hạn chế, vướng mắc, từ đó đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được hoàn thành dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước qua các giai đoạn lịch sử.

Việc thực hiện đề tài được tiến hành trên cơ sở các phương pháp nghiên cứu khoa học như phân tích, tổng hợp, so sánh, diễn giải, suy diễn logic v.v...

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án.

Chương 2: Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án.

Chương 3: Thực tiễn thực hiện pháp luật về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án và kiến nghị.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN SƠ THẨM DÂN SỰ GIỮA CÁC TÒA ÁN

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các tòa án

1.1.1. Khái niệm về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án

Khái niệm thẩm quyền được nghiên cứu, đề cập đến trong pháp luật của nhiều nước khác nhau trên thế giới. Có quan điểm cho rằng thẩm

quyền là quyền xét xử, bao gồm nhiều mặt nhiều khía cạnh, mang tính lịch sử cụ thể quy định quyền xét xử của Tòa án.

Còn theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học xuất bản năm 2003 thì "thẩm quyền là quyền xem xét để kết luận và định đoạt một vấn đề theo pháp luật".

Trong khoa học pháp lý, thẩm quyền được hiểu là tổng hợp các quyền và nghĩa vụ hành động, quyết định của các cơ quan tổ chức thuộc hệ thống bộ máy nhà nước do pháp luật quy định.

Ở nước ta hiện nay, các Tòa án được tổ chức theo các đơn vị hành chính lãnh thổ. Vì vậy, thẩm quyền dân sự của Tòa án được hiểu là quyền của Tòa án đối với việc xem xét và ra các bản án, quyết định giải quyết các vụ việc dân sự theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm.

Từ những phân tích trên, có thể định nghĩa thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án như sau: Thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án là quyền của Tòa án trong việc xem xét giải quyết các vụ việc dân sự theo thủ tục sơ thẩm dân sự.

Thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án các cấp là thẩm quyền sơ thẩm của một cấp Tòa án nào đó (cấp huyện, cấp tỉnh) trong việc thụ lý giải quyết các vụ việc theo thủ tục tố tụng dân sự. Thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án theo lãnh thổ là thẩm quyền của một Tòa án trong việc thụ lý, giải quyết một vụ việc dân sự cụ thể.

Trong quá trình thụ lý vụ việc dân sự nói chung, Tòa án bao giờ cũng phải xem xét là vụ việc đó có thuộc thẩm quyền dân sự của Tòa án theo loại việc hay không. Sau đó xác định vụ việc đó thuộc thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án cấp nào và trong các Tòa cùng cấp đó thì Tòa án nào giải quyết.

Đề tài này không đi vào nghiên cứu về thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án theo loại việc mà chỉ tập trung vào việc xác định một vụ việc dân sự nếu có phát sinh tại Tòa án thì Tòa án nào sẽ có thẩm quyền giải quyết.

Từ những phân tích trên đây, có thể đưa ra khái niệm về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án như sau:

Phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án là việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa Tòa án cấp huyện với Tòa án cấp tỉnh và phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp theo phạm vi lãnh thổ.

1.1.2. Ý nghĩa của việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án

Việc phân định đúng thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án sẽ là cơ sở để xác định đúng thẩm quyền phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm.

Việc xây dựng các tiêu chí để xác định thẩm quyền của Tòa án có ý nghĩa tạo cơ sở pháp lý để phân định thẩm quyền sơ thẩm giữa các cấp Tòa án và giữa các Tòa án cùng cấp với nhau trong giải quyết vụ việc. Việc phân định đúng thẩm quyền sẽ không gây mất thời gian, vật chất, tránh được sự chông chéo nhiệm vụ giữa các cấp Tòa án và giữa các Tòa án cùng cấp với nhau và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành án dân sự.

1.2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các tòa án

Hệ thống Tòa án hoạt động một cách hiệu quả, thì việc xây dựng các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án phải được dựa trên một số tiêu chí nhất định.

- *Tiêu chí về sự phù hợp với quy tắc phân định thẩm quyền tài phán quốc tế và quốc gia*

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay thì pháp luật của Việt Nam về vấn đề phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án phải được xây dựng sao cho phù hợp với kỹ thuật lập pháp của các nước tiên tiến trên thế giới.

- *Tiêu chí về điều kiện cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và sự độc lập, khách quan của đội ngũ cán bộ Tòa án*

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đòi hỏi đội ngũ thẩm phán, Hội thẩm nhân dân phải là những người có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan khi làm nhiệm vụ và có kiến thức chuyên môn.

Hiện nay điều kiện cơ sở vật chất và trình độ chuyên môn giữa các địa phương còn chênh lệch nhau.

- Tiêu chí về sự thuận lợi trong quá trình giải quyết vụ việc

Khi có đơn khởi kiện của đương sự, khi cần thiết Tòa án có nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ, nhiệm vụ này được thực hiện một cách khách quan, chính xác. Để làm tốt điều này cán bộ Tòa án phải gần gũi với dân, có mối quan hệ tốt với cấp cơ sở ở địa phương mình.

- Tiêu chí về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của một trong các bên đương sự

Khi xây dựng pháp luật cần căn cứ vào tiêu chí này và xét trong từng loại vụ việc dân sự thì Tòa án nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở của đương sự nào sẽ là Tòa án có điều kiện tốt nhất để giải quyết nhanh chóng, chính xác vụ việc và thuận lợi cho đương sự khi tham gia tố tụng.

- Tiêu chí về nơi có tài sản tranh chấp

Việc xây dựng quy định về phân định thẩm quyền theo lãnh thổ được dựa trên tiêu chí Tòa án nơi có bất động sản tranh chấp. Do tính chất đặc biệt của bất động sản nên Tòa án nơi có bất động sản là Tòa án có điều kiện giải quyết nhanh chóng, chính xác vụ việc dân sự.

- Tiêu chí nơi phát sinh sự kiện

Tiêu chí nơi phát sinh sự kiện như nơi đăng ký kết hôn, nơi xảy ra hành vi gây thiệt hại, nơi thực hiện hợp đồng cũng là một trong những tiêu chí quan trọng cần xem xét đến khi xây dựng quy định về thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án theo lãnh thổ. Ngoài ra, trong những trường hợp đặc biệt, nơi phát sinh sự kiện cũng có thể được hiểu theo nghĩa rộng là nơi cơ quan trọng tài hoặc Tòa án đã ra phán quyết...

- Vấn đề đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự trong việc lựa chọn Tòa án giải quyết

Quyền tự định đoạt của đương sự được quy định là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự. Theo nguyên tắc này đương sự tự mình quyết định về việc tham gia tố tụng dân sự, tự quyết định quyền và lợi ích của mình theo quy định của pháp luật.

1.3. Lược sử các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các tòa án

1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989

- Thời kỳ từ năm 1945 đến 1960

Thời kỳ này đầu tiên phải kể đến Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1945 về tổ chức các Tòa án và ngạch thẩm phán và Sắc lệnh số 51 ngày 17/4/1946. Đây là những văn bản pháp luật đầu tiên về tố tụng dân sự của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Hai văn bản trên đã đề cập đến vấn đề thẩm quyền giữa các cấp Tòa án đó là: Tòa án sơ cấp (ở các quận) và Tòa án đệ nhị cấp (ở các tỉnh).

- Thời kỳ từ năm 1960 đến năm 1989

Trong thời kỳ này, đáng chú ý nhất là các văn bản sau: Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 1960, Công văn số 03-NCPL ngày 03/03/1966 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn trình tự giải quyết việc ly hôn; Thông tư số 39-NCPL ngày 21/01/1972 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc thụ lý, di lý, xếp và tạm xếp những việc kiện về hôn nhân và gia đình và tranh chấp về dân sự... Trong các văn bản pháp luật này, vấn đề phân định thẩm quyền giữa các Tòa án và phân định thẩm quyền trong cùng một cấp Tòa án với nhau bắt đầu được quy định.

Như vậy, việc nghiên cứu các quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ trong giai đoạn từ 1945 đến 1989 cho thấy các quy định trong thời kỳ này đã đặt ra quy tắc để xác định thẩm quyền dân sự của Tòa án theo lãnh thổ là Tòa án có điều kiện tốt nhất để giải quyết các vụ kiện.

1.3.2. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2004

Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự ngày 29/11/1989 được ban hành có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/1990 là văn bản pháp luật đầu tiên pháp điển hóa những nội dung căn bản của thủ tục giải quyết các vụ án dân sự và Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994 và Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án lao động năm 1996 đã được ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết các tranh chấp kinh tế và lao động.

Ba pháp lệnh về thủ tục tố tụng đều xây dựng những quy định phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa Tòa án cấp tỉnh và cấp huyện. Theo đó, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Tòa án cấp huyện) giải quyết theo thủ tục sơ thẩm các vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án, trừ những việc thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh (Điều 11 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự 1989, Điều 13 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế 1994, Điều 12 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án lao động 1996).

1.3.3. Giai đoạn từ năm 2004 đến nay

Các quy định về phân định thẩm quyền giữa Tòa án các cấp và các Tòa án cùng cấp hiện nay được quy định tại các Điều 33, 34, 35 và 36 Bộ luật tố tụng dân sự. Do còn có những hạn chế nhất định nên năm 2011 các quy định về vấn đề này đã được sửa đổi bổ sung cho phù hợp hơn. Bộ luật tố tụng dân sự hiện nay quy định về thẩm quyền của Tòa án mở rộng hơn những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án và tăng thẩm quyền của Tòa án cấp huyện.

Chương 2

PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN SƠ THẨM DÂN SỰ GIỮA CÁC TÒA ÁN

2.1. Các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa tòa án các cấp

Quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa Tòa án các cấp hiện nay được quy định tại Điều 33 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2.1.1. Quy định về những vụ việc thuộc thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án cấp huyện

Thẩm quyền của Tòa án cấp quận, huyện hiện nay được quy định tại Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo đó, về căn bản thì Tòa án nhân dân

cấp huyện có thẩm quyền giải quyết những vụ việc thuộc thẩm quyền dân sự của Tòa án sau đây:

** Các tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình và một số tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận:*

Trong xu hướng cải cách tư pháp tăng cường thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện thì quy định như trên là chưa phù hợp nên Bộ luật tố tụng dân sự đã sửa đổi và quy định mở rộng thẩm quyền giải quyết cho Tòa án nhân dân cấp huyện toàn bộ các loại tranh chấp kinh doanh, thương mại mà không phân biệt tính phức tạp.

** Tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động:*

Theo pháp luật hiện hành thì Tòa án cấp huyện có thẩm quyền sơ thẩm đối với các tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động mà Hội đồng hòa giải lao động cơ sở, hòa giải viên lao động của cơ quan quản lý nhà nước về lao động quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hòa giải không thành hoặc không giải quyết trong thời hạn do pháp luật quy định.

Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự đã khắc phục được vướng mắc này bằng việc quy định mở rộng hơn thẩm quyền của Tòa án cấp huyện đối với các tranh chấp lao động cá nhân. Cụ thể là từ nay các tranh chấp lao động cá nhân mà Hội đồng hòa giải lao động cơ sở, hòa giải viên lao động của cơ quan quản lý nhà nước về lao động quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hòa giải thành nhưng các bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc không hòa giải trong thời hạn pháp luật quy định sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện.

Tại Điều 33 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự cho thấy, các yêu cầu về kinh doanh thương mại, lao động không thuộc thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp huyện. Việc không quy định các yêu cầu trên thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp quận, huyện mà thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh là chưa thực sự hợp lý.

2.1.2. Quy định về những vụ việc thuộc thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án cấp tỉnh

Điều 34 BTTDS đã quy định cụ thể những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Về cơ bản thì quy định tại điều luật này là phù hợp với các cơ sở lý luận đã được phân tích tại Chương 1 của luận văn.

Như vậy, yếu tố đương sự, tài sản ở nước ngoài hay vấn đề ủy thác tư pháp được coi là căn cứ để phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa Tòa án cấp huyện và Tòa án cấp tỉnh khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, còn sau khi Tòa án đã thụ lý và đang giải quyết vụ việc thì những yếu tố này không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết giữa các cấp Tòa án.

2.2. Các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp

Việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các cấp Tòa án là tiền đề để phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp còn được gọi là thẩm quyền theo lãnh thổ. Vấn đề này được quy định tại Điều 35, Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2.2.1. Các quy định có tính nguyên tắc về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp

2.2.1.1. Thẩm quyền của Tòa án nơi có bất động sản

Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về bất động sản là Tòa án nơi có bất động sản (điểm c khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự).

Để xác định được như thế nào là tranh chấp về bất động sản thì trước tiên cần phải xác định bất động sản bao gồm những tài sản nào và tài sản đó có phải là đối tượng của việc tranh chấp hay không. Như vậy, đối với các tranh chấp về bất động sản thì khi thụ lý đơn khởi kiện, Tòa án cần xác định đúng địa điểm của bất động sản mà các đương sự đang tranh chấp có nằm trên địa giới hành chính của Tòa án mình hay không nếu không thuộc địa giới hành chính của Tòa án mình thì phải chuyển đơn khởi kiện và hướng dẫn cho đương sự.

2.2.1.2. Thẩm quyền của Tòa án nơi cư trú, nơi làm việc, nơi có trụ sở của bị đơn, người bị yêu cầu

** Về thẩm quyền của Tòa án nơi cư trú, nơi làm việc, nơi có trụ sở của bị đơn*

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì "Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động...". Như vậy, theo quy định này thì tùy thuộc vào bị đơn là cơ quan, tổ chức hay bị đơn là cá nhân mà thẩm quyền của Tòa án được xác định khác nhau.

** Về thẩm quyền của Tòa án nơi cư trú, nơi làm việc, nơi có trụ sở của người bị yêu cầu*

Tòa án nơi người bị yêu cầu cư trú, làm việc hoặc có trụ sở có thẩm quyền giải quyết. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011 đã quy định cụ thể tại Khoản 2 Điều 35 các trường hợp mà Tòa án nơi cư trú, nơi làm việc, nơi có trụ sở của người bị yêu cầu có thẩm quyền giải quyết.

2.2.2. Các quy định khác về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp

2.2.2.1. Quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự theo sự thỏa thuận của các đương sự

Theo điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi bổ sung năm 2011: "*Các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan tổ chức giải quyết những tranh chấp về dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động quy định tại các Điều 25, 27, 29 và 31 của Bộ luật này*".

Quy định này đã thể hiện sự linh hoạt, mềm dẻo của pháp luật trong việc đương sự có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp dân sự,

không gò bó ở những quy định cứng nhắc, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các đương sự khi tham gia tố tụng.

2.2.2.2. Quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu

** Quyền lựa chọn Tòa án của nguyên đơn*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong các trường hợp: Nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết. Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh, tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết.....

** Quyền lựa chọn Tòa án của người yêu cầu*

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi bổ sung năm 2011 thì người yêu cầu có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc hoặc có trụ sở hoặc nơi có tài sản của người bị yêu cầu giải quyết đối với các yêu cầu về dân sự quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 6 và 7 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, đối với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì người yêu cầu có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bên đăng ký kết hôn trái pháp luật giải quyết. Đối với yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc quyền thăm nom con sau khi ly hôn thì người yêu cầu có thể yêu cầu Tòa án nơi người con cư trú giải quyết (điểm b, c khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự).

Tóm lại, Bộ luật tố tụng dân sự được ban hành đã có những quy định khá toàn diện và cụ thể về vấn đề phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án hiện nay, đặc biệt là các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án theo lãnh thổ. Tất cả những quy định này của pháp luật được xây dựng nhằm mục đích giúp các Tòa án xác định đúng phạm vi thẩm quyền trong giải quyết các vụ việc dân sự của

mình, tạo điều kiện tốt nhất cho các đương sự có thể bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình khi tham gia tố tụng.

2.2.2.3. Quy định riêng biệt về phân định thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án đối với các vụ việc dân sự

Trên đây chúng ta đã làm rõ các quy định của pháp luật về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp dựa trên các tiêu chí có tính nguyên tắc như Tòa án nơi có bất động sản; Tòa án nơi bị đơn, người bị yêu cầu cư trú, làm việc hoặc có trụ sở và các tiêu chí khác như theo sự thỏa thuận của các bên đương sự hoặc sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu. Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng dân sự cũng có những quy định rất riêng biệt về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp mà không tuân theo các quy tắc trên. Cụ thể như sau:

- *Tòa án đã ra quyết định tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy bỏ quyết định tuyên bố mất tích hoặc là đã chết* (điểm c khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự); *Tòa án nơi người phải thi hành án cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành án*; các yêu cầu liên quan tới hôn nhân, gia đình do đặc thù của từng loại việc nên quy định về thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp trong việc giải quyết các loại việc này cũng khác nhau, cụ thể là: Đối với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật; Đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; Đối với yêu cầu công nhận sự thỏa thuận về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn...

Như vậy, Bộ luật tố tụng dân sự được ban hành đã có những quy định khá toàn diện và cụ thể về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án, đặc biệt là các quy định về thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án theo lãnh thổ. Tất cả những quy định này được xây dựng nhằm mục đích giúp các Tòa án xác định được đúng thẩm quyền trong giải quyết các vụ việc dân, đồng thời là cơ sở pháp lý cho các đương sự có thể khởi kiện đúng Tòa án.

Trên đây cũng đã chỉ ra một số bất cập trong các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án.

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN SƠ THẨM DÂN SỰ GIỮA CÁC TÒA ÁN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các tòa án

3.1.1. Thực tiễn thực hiện các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa Tòa án các cấp

Quá trình nghiên cứu thực tiễn thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án đã cho thấy những bất cập sau.

- *Quy định về một số những yêu cầu về kinh doanh, thương mại, lao động thuộc thẩm quyền của Tòa cấp tỉnh là chưa thực sự phù hợp với thực tế*

Có những tranh chấp về dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động... là những vụ án có nhiều khó khăn, phức tạp lại thuộc thẩm quyền của Tòa cấp huyện. Ngược lại, một số những yêu cầu về kinh doanh, thương mại, lao động lại thuộc thẩm quyền của Tòa cấp tỉnh.

- *Một số quy định về không thay đổi thẩm quyền của Tòa án là chưa thực sự hợp lý*

Có nhiều trường hợp sau khi thụ lý Tòa án mới xác định được vụ án cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan Lãnh sự hoặc cho Tòa án nước ngoài thì theo quy định tại Điều 412 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân cấp huyện đã thụ lý tiếp tục giải quyết vụ việc dân sự đó.

Quy định trên dẫn tới bất hợp lý là trên thực tế những vụ việc có cùng bản chất là cần phải ủy thác cho cơ quan Lãnh sự, cho Tòa án nước ngoài nhưng thời điểm phát hiện ra sự việc cần phải ủy thác tư pháp lại có ý nghĩa quyết định vụ việc sẽ thuộc thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án cấp tỉnh hay cấp huyện.

- *Sự thiếu cụ thể trong việc quy định các tiêu chí về vụ việc mà Tòa án cấp tỉnh có thể lấy lên để giải quyết dẫn tới sự tùy tiện trong áp dụng*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án cấp tỉnh có quyền lấy những vụ việc thuộc thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án cấp huyện lên để giải quyết. Các văn bản hướng dẫn áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự không có hướng dẫn là những trường hợp nào Tòa án cấp tỉnh được quyền lấy vụ việc của Tòa án cấp huyện lên để giải quyết.

3.1.2. Thực tiễn thực hiện các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp

- *Sự thiếu rõ ràng trong quy định về thẩm quyền của Tòa án theo nơi bị đơn cư trú, làm việc*

Bộ luật tố tụng dân sự quy định nếu bị đơn là cá nhân thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc. Có trường hợp nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi làm việc của bị đơn chứ không khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú và bị đơn không đồng ý theo kiện tại Tòa án này. Quy định trên cần được giải thích theo hướng nếu bị đơn cư trú một nơi nhưng làm việc một nơi thì Tòa án có thẩm quyền là Tòa án nơi bị đơn cư trú. Trong trường hợp không thể xác định được nơi cư trú của bị đơn thì Tòa án nơi bị đơn làm việc có thẩm quyền giải quyết.

- *Vướng mắc trong việc xác định thẩm quyền của Tòa án trong trường hợp tranh chấp về tài sản là bất động sản*

Theo điểm c Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về bất động sản. Quy định này được xây dựng dựa trên quan niệm là Tòa án nơi có bất động sản là Tòa án có điều kiện tốt nhất cho việc giải quyết tranh chấp.

Vấn đề đặt ra cần phải làm rõ như thế nào là tranh chấp về bất động sản để xác định Tòa án có thẩm quyền. Trong những văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật tố tụng dân sự cần có hướng dẫn rõ về vấn đề này.

- *Vướng mắc trong việc xác định thứ tự ưu tiên của các tiêu chí khi xác định thẩm quyền của Tòa án*

Trên thực tế có những trường hợp tranh chấp về bất động sản nhưng các bên lại thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn cư trú giải quyết

(điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự). Vậy trong trường hợp này thì Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự hay Tòa án nơi nguyên đơn cư trú theo thỏa thuận với bị đơn sẽ có thẩm quyền giải quyết (điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự). Dựa trên cơ sở lý luận được phân tích tại Chương 1 của luận văn thì cần phải giải thích luật pháp theo hướng căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì chỉ có Tòa án nơi có bất động sản mới có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về bất động sản. Quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự không áp dụng trong trường hợp tranh chấp về bất động sản.

- Vương mắc trong việc xác định thẩm quyền trong trường hợp tranh chấp về quan hệ về tài sản, bao gồm cả động sản và bất động sản

Đối với những vụ việc chỉ có một quan hệ pháp luật tranh chấp là quan hệ về tài sản, trong đó bao gồm cả động sản và bất động sản (ví dụ: tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại, yêu cầu chia di sản thừa kế...) thì Tòa án nào sẽ có thẩm quyền giải quyết.

- Quy định về phạm vi các Tòa án mà đương sự có quyền thỏa thuận lựa chọn còn hạn chế

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 và được sửa đổi năm 2011 chỉ hạn chế quyền của đương sự trong việc thỏa thuận về Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong phạm vi các Tòa án nơi cư trú, làm việc, hoặc có trụ sở của nguyên đơn mà chưa quy định mở rộng quyền thỏa thuận này đối với các Tòa án khác như Tòa án nơi các bên thực hiện hợp đồng, nơi một bên có chi nhánh, nơi có tài sản... So với các quy định của pháp luật tố tụng dân sự của các nước trên thế giới thì quy định của pháp luật Việt Nam chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho các đương sự.

- Pháp luật chưa có quy định về việc xử lý trong trường hợp thỏa thuận của đương sự về lựa chọn Tòa án không đúng pháp luật

Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành cho thấy ngoài việc quy định khá hạn hẹp về các Tòa án mà các đương sự có quyền thỏa

thuận lựa chọn thì việc xử lý như thế nào khi thỏa thuận của các đương sự không phù hợp với các quy định về phân định thẩm quyền giữa các Tòa án cũng không được quy định. Vấn đề đặt ra là khi đương sự thỏa thuận với nhau về Tòa án giải quyết không phù hợp với quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ trong Bộ luật tố tụng dân sự thì sẽ xác định thẩm quyền của Tòa án theo sự thỏa thuận của đương sự hay ưu tiên xác định thẩm quyền theo quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ. Trong thực tiễn việc áp dụng pháp luật những trường hợp này cũng chưa thống nhất, dẫn đến nhiều vụ án phải chuyển đi chuyển lại do có nhiều quan điểm khác nhau.

- Về vấn đề xác định thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Điều 35, 36 của Bộ luật tố tụng dân sự

Việc áp dụng quy định tại Điều 35, 36 Bộ luật tố tụng dân sự về vấn đề này có nhiều điểm vướng mắc, yêu cầu đặt ra là các cơ quan có thẩm quyền cần có hướng dẫn rõ ràng, cụ thể hơn về cách xác định thẩm quyền theo Điều 35 và Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án đối với các yêu cầu liên quan tới hoạt động của Trọng tài thương mại Việt Nam còn thiếu cụ thể

Vấn đề thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án theo lãnh thổ đối với những việc liên quan đến hoạt động của Trọng tài thương mại không được quy định cụ thể trong Bộ luật tố tụng dân sự mà thực hiện thông qua sự dẫn chiếu tới quy định của Luật Trọng tài thương mại Việt Nam. Việc dẫn chiếu này không thuận lợi cho đương sự và Tòa án trong việc tìm hiểu và áp dụng pháp luật.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các tòa án

Từ kết quả nghiên cứu tại Chương 1 và Chương 2, cũng như qua việc phân tích về những vướng mắc bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật nêu trên, tác giả luận văn đưa ra một số những đề xuất sau đây:

3.2.1. Kiến nghị sửa đổi các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa Tòa án các cấp

- Sửa đổi bổ sung quy định về một số những yêu cầu về kinh doanh, thương mại, lao động sẽ thuộc thẩm quyền của Tòa cấp huyện

Trong số những yêu cầu về kinh doanh thương mại, lao động hiện nay cần xác định rõ một số yêu cầu thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện, Tòa án cấp tỉnh chỉ có thẩm quyền giải quyết đối với những yêu cầu nếu có đương sự, tài sản ở nước ngoài hoặc việc giải quyết cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài hoặc cơ quan tư pháp của nước ngoài.

- Sửa đổi quy định về không thay đổi thẩm quyền của Tòa án cho phù hợp với thực tiễn

Nên sửa đổi quy định nêu trên theo hướng đối với những vụ án Tòa án cấp huyện đã thụ lý đúng thẩm quyền nhưng trong quá trình giải quyết vụ án mới có thay đổi theo hướng có tài sản hoặc có đương sự ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án nước ngoài thì Tòa án cấp huyện đó phải ra quyết định chuyển vụ việc cho Tòa án cấp tỉnh giải quyết để đáp ứng yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn.

- Bổ sung quy định nhằm xác định cụ thể các vụ việc mà Tòa án cấp tỉnh có thể lấy lên để giải quyết

Theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện mà Tòa cấp tỉnh lấy lên để giải quyết, cần quy định rõ là khi lấy vụ việc lên để giải quyết thì Tòa án cấp tỉnh phải có văn bản đề hạn chế tình trạng tùy tiện trong việc áp dụng.

3.2.2. Kiến nghị sửa đổi các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án cùng cấp

- Cần có sự điều chỉnh lại quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự theo hướng những tranh chấp bất động sản chỉ có Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết

Nên sửa lại quy định tại điểm c khoản 1 điều luật này như sau: "*Đối với những tranh chấp bất động sản, Tòa án duy nhất có thẩm quyền là Tòa án nơi có bất động sản*". Bên cạnh đó, cần có quy định cụ thể của pháp luật giải thích thuật ngữ như thế nào là tranh chấp bất động sản.

- Cần có hướng dẫn cụ thể về quy tắc xác định thẩm quyền trong trường hợp vụ việc có nhiều quan hệ pháp luật tranh chấp

Vụ việc có nhiều quan hệ pháp luật tranh chấp thì Tòa án có thẩm quyền là Tòa án nơi có bất động sản tranh chấp nếu đối tượng tranh chấp là bất động sản đồng thời đó là quan hệ tranh chấp chính cần giải quyết trong vụ án dân sự đó. Trong vụ án có một quan hệ pháp luật tranh chấp là quan hệ tài sản, bao gồm cả động sản và bất động sản thì ưu tiên Tòa án nơi có bất động sản giải quyết.

- Bổ sung thêm một nguyên tắc xác định thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án theo lãnh thổ đối với các tranh chấp thừa kế

Bộ luật tố tụng dân sự nên bổ sung thêm một nguyên tắc xác định thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án theo lãnh thổ đối với các tranh chấp thừa kế. Theo đó, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thừa kế là Tòa án nơi mở thừa kế.

- Bổ sung thêm quy định về xác định thứ tự ưu tiên của các tiêu chí phân định thẩm quyền theo lãnh thổ

Cần hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự theo hướng việc áp dụng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của Tòa án theo lãnh thổ theo thứ tự ưu tiên như sau: Nếu là tranh chấp về bất động sản thì chỉ có Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết; nếu không phải là tranh chấp về bất động sản thì chỉ lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn cư trú hoặc có trụ sở nếu các bên có thỏa thuận; nếu không thuộc hai trường hợp trên thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án mà nguyên đơn, người yêu cầu lựa chọn theo quy định của pháp luật.

- Về vấn đề thỏa thuận của đương sự trong việc lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp

Điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự có thể sửa lại như sau: "Các bên trong quan hệ dân sự có quyền tự định đoạt với nhau bằng văn

bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan tổ chức; nơi thực hiện hợp đồng; nơi có một bên có chi nhánh hoặc nơi có tài sản đang tranh chấp giải quyết những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định tại các Điều 25, 27, 29 và 31 Bộ luật này. Khi có tranh chấp xảy ra, nguyên đơn chỉ được phép khởi kiện tại Tòa án đã thỏa thuận".

- Cần bổ sung quy định về việc xử lý trong trường hợp thỏa thuận của đương sự về lựa chọn Tòa án không đúng pháp luật vào Bộ luật tố tụng dân sự quy định theo hướng sau đây :

Người khởi kiện chỉ được khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; nếu đương sự có thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp nhưng thỏa thuận đó không phù hợp với pháp luật thì Tòa án được các đương sự lựa chọn không có thẩm quyền giải quyết. Trong trường hợp này, Tòa án nhận đơn phải căn cứ vào các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án để chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền.

- Cần cụ thể hóa hơn các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm theo sự lựa chọn của nguyên đơn

Theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự đưa ra quy định đối với các vụ án có nhiều bất động sản tranh chấp thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có một trong các bất động sản giải quyết. Tuy nhiên, quy định này chưa rõ ràng, dẫn tới việc nguyên đơn có thể tự do lựa chọn Tòa án và sự lựa chọn đó của nguyên đơn gây ra sự bất lợi cho bị đơn khi tham gia tố tụng. Do vậy, nhà lập pháp cần đặt ra những tiêu chí cụ thể hơn, ví dụ như nguyên đơn có thể lựa chọn Tòa án nơi có bất động sản có giá trị lớn nhất trong các bất động sản.

- Cụ thể hóa các quy định về phân định thẩm quyền sơ thẩm Tòa án đối với các yêu cầu liên quan tới hoạt động của Trọng tài thương mại Việt Nam

Trên đây chúng ta đã phân tích về sự thiếu cụ thể trong các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ đối với các yêu cầu liên quan tới hoạt động của Trọng tài thương mại. Để

thuận tiện hơn cho các Tòa án khi áp dụng pháp luật, chúng tôi kiến nghị cần phải có văn bản hướng dẫn đối với quy định tại điểm o khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ đối với các yêu cầu liên quan tới hoạt động của Trọng tài thương mại cụ thể hơn.

KẾT LUẬN

Việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án là một quá trình quan trọng không thể thiếu khi tiếp cận và nghiên cứu về chế định thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án. Việc nghiên cứu nhằm cung cấp cho người học, người làm công tác thực tiễn một tư duy logic khi xem xét phân định thẩm quyền giữa các Tòa án. Trên cơ sở vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án, cần phải xác định vụ việc đó thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp nào, cuối cùng xác định Tòa án cụ thể có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

Đề tài đã chỉ ra cơ sở khoa học của việc phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án. Việc xây dựng các tiêu chí về phân định thẩm quyền sơ thẩm giữa các Tòa án hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Tòa án và các đương sự trong việc xác định thẩm quyền. Trên tinh thần đó, nhà lập pháp căn cứ vào các dấu hiệu phân định thẩm quyền để xây dựng các quy tắc phân định thẩm quyền giữa các Tòa án một cách hợp lý và khoa học nhất.

Quá trình nghiên cứu đã cho thấy pháp luật tố tụng dân sự một số nước trên thế giới về vấn đề phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự giữa các Tòa án có nhiều điểm tương đồng với pháp luật của Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật của một số nước về vấn đề này cũng có những điểm khác biệt nhất định có giá trị tham khảo cho việc sửa đổi, hoàn thiện pháp luật tố tụng.

Quy định của pháp luật Việt Nam về phân định thẩm quyền sơ thẩm dân sự của Tòa án các cấp và giữa các Tòa án cùng cấp trong Bộ luật tố tụng dân sự đã khá bao quát và toàn diện về các vấn đề cần điều chỉnh. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra được một số hạn chế, bất cập nhất định, đặc biệt là khi các quy định này được áp dụng trong thực tiễn. Trên cơ sở tổng hợp kết quả nghiên cứu, đề tài cũng đã đề xuất được một số kiến nghị về việc sửa đổi, hoàn thiện các quy định về vấn đề này nhằm đáp ứng đòi hỏi của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay.